

*Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH 3**
Năm 2017



Digitally signed by NGUYỄN KIM CHINH
DN: cn=NGUYỄN KIM CHINH c=VN
|e=Quận 5 o=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3
ou=Phòng Tài Chính - Kế Toán
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2018-03-31 09:45+07:00

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	03 – 05
Báo cáo Kiểm toán độc lập	06 – 07
Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	08 – 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2017	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2017	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm 2017	12 – 47



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con sau đây (gọi chung là Tập đoàn) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3 được thành lập theo Quyết định số 4036/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Giao thông Vận tải và Quyết định số 2411/QĐ-BGTVT ngày 10 tháng 08 năm 2004 về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam của Bộ Giao thông Vận tải; Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300421520 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 16 tháng 06 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Xây dựng, lắp đặt.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật liên quan.
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- Chuẩn bị mặt bằng.
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.
- Sản xuất các cấu kiện kim loại.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Sửa chữa thiết bị khác.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.
- Vận tải hành khách đường bộ khác.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động.
- Xây dựng công trình công ích.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Sản xuất sắt, thép, gang
- Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

Trụ sở của Công ty tại: 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP.HCM.

a. Thông tin các chi nhánh: 9 chi nhánh

Trong đó: 08 chi nhánh hạch toán phụ thuộc và 1 chi nhánh hạch toán độc lập.

1. **Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 303**
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
2. **Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 304**
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

3. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 302

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

4. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp CK Và Xây Dựng

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

5. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp TV Thiết Kế Và Kiểm Định Công Trình

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

6. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 301

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

7. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 tại tỉnh Quảng Ngãi

Địa chỉ: Số 315 khối 1, Thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa, Tỉnh Quảng Ngãi

8. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 305

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

9. Chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình 3 - Xí nghiệp Cơ khí và Xây dựng Đường sắt

Địa chỉ: Lô đất số 03, Đường DCD.03, Khu CN Giang Điền, Xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.

b. Thông tin các Công ty con: 2 công ty

1. Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng

Địa chỉ: Lô C7-1, Khu công nghiệp Hàm Kiệm 1, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100 %

2. Công ty Cổ Phần Xây Dựng Công Trình Nam Tiến

Địa chỉ: Số 3, đường số 16, KDC Sông Đà, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, TP. HCM

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 55,56 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 55,56 %

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Phạm Văn Thúy	Chủ tịch
Ông Phạm Ngọc Côi	Thành viên
Ông Trần Quốc Đoàn	Thành viên
Ông Lê Văn Nhung	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Vinh	Thành viên
Bà Nguyễn Kim Chinh	Thành viên
Ông Đào Quốc Cường	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông Trần Quốc Đoàn	Tổng giám đốc
Ông Phạm Trường Sơn	Phó tổng giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

Ông Trần Việt Dũng	Phó tổng giám đốc
Ông Trần Anh Thuận	Phó tổng giám đốc
Ông Đặng Quang Thịnh	Phó tổng giám đốc
Ông Lê Văn Nhung	Phó tổng giám đốc
Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó tổng giám đốc
Bà Nguyễn Kim Chính	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Vũ Bình Thiên	Trưởng ban
Ông Trần Minh Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thuận	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Tập đoàn.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. HCM, ngày 29, tháng 02 năm 2018



Trần Quốc Đoàn

Số: 315/BCKT/TC/2018/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 của Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3)

Kính gửi: - **Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
- **Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3.**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của **Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3** và các **Công ty con (gọi chung là Tập đoàn)**, được lập ngày 29/03/2018, từ trang 08 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018
Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)



Phó Tổng Giám đốc

Lê Văn Tuấn

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0479-2018-142-1

Kiểm toán viên

Chu Thế Bình

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1858 -2018-142-1



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		295.946.725.674	288.331.932.608
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	50.416.038.113	20.337.819.988
1. Tiền	111		50.416.038.113	20.337.819.988
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.2		650.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			650.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		175.638.412.952	202.105.368.380
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3	51.740.649.817	117.577.367.787
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	VI.4	15.012.010.536	8.823.095.984
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.5a	109.700.135.498	76.519.287.508
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	VI.6	(814.382.899)	(814.382.899)
IV. Hàng tồn kho	140		60.373.580.951	57.906.713.308
1. Hàng tồn kho	141	VI.7	60.373.580.951	57.906.713.308
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.518.693.658	7.332.030.932
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.10a	1.250.000	4.250.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	VI.11	8.964.061.763	6.442.017.662
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	VI.15	553.381.895	885.763.270
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		98.351.061.620	56.201.786.595
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		16.886.370.529	6.714.092.110
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	VI.3	15.460.581.199	5.288.302.780
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	VI.4	1.384.212.791	1.384.212.791
6. Phải thu dài hạn khác	216	VI.5b	41.576.539	41.576.539
II. Tài sản cố định	220		42.807.160.225	10.625.203.600
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	42.807.160.225	10.625.203.600
- Nguyên giá	222		90.924.445.834	54.020.473.030
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(48.117.285.609)	(43.395.269.430)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.536.674.846	22.194.683.485
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	VI.8	3.536.674.846	22.194.683.485
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		35.120.856.020	16.667.807.400
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.10b	35.120.856.020	16.667.807.400
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
5. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		394.297.787.294	344.533.719.203

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		271.801.860.900	215.713.359.191
I. Nợ ngắn hạn	310		234.199.371.299	195.715.342.230
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.13	23.581.302.608	20.990.716.572
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	VI.14	70.011.463.039	15.699.490.539
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.15	994.822.882	1.761.800.051
4. Phải trả người lao động	314	VI.16	4.178.794.884	7.173.299.400
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.17	2.987.203.971	15.002.936.238
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	VI.18	2.794.617.357	8.991.456.357
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.18	18.088.322.905	18.226.409.946
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.12a	109.861.856.959	103.314.834.434
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	VI.19		3.500.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Ban điều hành	322	VI.20	1.700.986.694	1.054.398.693
II. Nợ dài hạn	330		37.602.489.601	19.998.016.961
1. Phải trả người bán dài hạn	331	VI.13	3.805.189.437	3.979.897.592
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	VI.17	11.960.430.184	15.118.450.071
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337	VI.18	398.132.898	398.132.898
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	VI.12b	21.438.737.082	501.536.400
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		122.495.926.394	128.820.360.012
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.21	122.495.926.394	128.820.360.012
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.396.161.000	5.396.161.000
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			1.622.907.459
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(930.000)	(930.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		29.742.423.373	28.119.515.914
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.165.228.755	11.549.663.411
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.681.743.123	1.118.327.694
- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	421b		3.483.485.632	10.431.335.717
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.193.043.266	2.133.042.228
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		394.297.787.294	344.533.719.203

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Đoàn Văn Nghị

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Nguyễn Kim Chinh

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Quốc Đoàn



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	VII.1	175.496.990.393	429.177.384.336
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		175.496.990.393	429.177.384.336
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	162.880.256.015	386.316.320.999
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		12.616.734.378	42.861.063.337
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	60.156.983	4.120.104.856
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	5.215.747.269	11.676.694.502
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.215.747.269	11.676.694.502
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24			
9. Chi phí bán hàng	25			
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.7	3.211.388.780	18.774.057.227
11. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30		4.249.755.312	16.530.416.464
12. Thu nhập khác	31	VII.5	392.021.312	1.327.434.283
13. Chi phí khác	32	VII.6	144.802.809	4.025.859.922
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		247.218.503	(2.698.425.639)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4.496.973.815	13.831.990.825
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VII.9	953.500.433	2.859.466.700
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VII.10		
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		3.543.473.382	10.972.524.125
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		3.483.485.632	10.431.335.717
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		59.987.750	541.188.408
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VII.13	435	1.304
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			



Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Đoàn Văn Nghị

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Nguyễn Kim Chinh

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Quốc Đoàn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.496.973.815	12.486.594.471
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		4.722.016.179	4.929.064.088
- Các khoản dự phòng	03		(2.481.839.961)	1.213.351.540
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(60.156.983)	(3.416.689.061)
- Chi phí lãi vay	06		5.215.747.269	8.149.576.795
- Các khoản điều chỉnh khác	07		(374.855.999)	(34.900.156.322)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		11.517.884.320	(11.538.258.489)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		13.570.577.539	37.106.926.585
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.466.867.643)	25.391.038.202
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		37.871.282.996	(17.066.157.306)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(103.166.975)	821.728.433
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(9.359.184.612)	(8.149.576.795)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.378.690.949)	(3.011.434.001)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		329.858.964	28.836.500
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.622.878.148)	(857.960.179)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		48.358.815.492	22.725.142.950
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(40.521.435.445)	(23.516.902.649)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			163.636.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		650.000.000	10.330.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		707.286.983	3.652.718.668
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(39.164.148.462)	(9.370.547.617)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		160.062.563.437	138.659.157.675
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(132.578.340.230)	(196.324.957.869)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.600.672.112)	(7.978.343.187)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		20.883.551.095	(65.644.143.381)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		30.078.218.125	(52.289.548.048)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		20.337.819.988	72.627.368.036
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	50.416.038.113	20.337.819.988

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Đoàn Văn Nghị

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Kim Chinh



Trần Quốc Đoàn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3 được thành lập theo Quyết định số 4036/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Giao thông Vận tải và Quyết định số 2411/QĐ-BGTVT ngày 10 tháng 08 năm 2004 về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam của Bộ Giao thông Vận tải; Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300421520 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 16 tháng 06 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng).

Trụ sở của Công ty tại: 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP.HCM.

Thông tin các chi nhánh: 9 chi nhánh

Trong đó: 08 chi nhánh hạch toán phụ thuộc và 1 chi nhánh hạch toán độc lập.

b. Thông tin các chi nhánh: 9 chi nhánh

Trong đó: 08 chi nhánh hạch toán phụ thuộc và 1 chi nhánh hạch toán độc lập.

1. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 303

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

2. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 304

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

3. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 302

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

4. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp CK Và Xây Dựng

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

5. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp TV Thiết Kế Và Kiểm Định Công Trình

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

6. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 301

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

7. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 tại tỉnh Quảng Ngãi

Địa chỉ: Số 315 khối 1, Thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa, Tỉnh Quảng Ngãi

8. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 305

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

9. Chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình 3 - Xí nghiệp Cơ khí và Xây dựng Đường sắt

Địa chỉ: Lô đất số 03, Đường DCD.03, Khu CN Giang Điền, Xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.

b. Thông tin các Công ty con: 2 công ty

1. Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Lô C7-1, Khu công nghiệp Hàm Kiệm 1, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100 %

2. Công ty Cổ Phần Xây Dựng Công Trình Nam Tiến

Địa chỉ: Số 3, đường số 16, KDC Sông Đà, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, TP. HCM

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 55,56 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 55,56 %

2. Lĩnh vực kinh doanh: Xây dựng, lắp đặt.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật liên quan.
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- Chuẩn bị mặt bằng.
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.
- Sản xuất các cấu kiện kim loại.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Sửa chữa thiết bị khác.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu.
- Vận tải hành khách đường bộ khác.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động.
- Xây dựng công trình công ích.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy
- Sản xuất khác chưa được phân vào đầu
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Sản xuất sắt, thép, gang
- Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không

II Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. **Niên độ kế toán** của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III Cơ sở hợp nhất:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 (Công ty mẹ) và 02 công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối hợp nhất.

IV Chế độ kế toán áp dụng:

1. **Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 161/2007/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.
2. **Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ.

V Các chính sách kế toán áp dụng:

1. **Nguyên tắc xác định các khoản tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển**
 - 1.1 **Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:** Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.
 - 1.2 **Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:**

Việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong năm được thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.
2. **Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:**
 - 2.1 **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.
3. **Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

4.1 Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

4.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

4.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

4.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

5.1 Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

- Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

- Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi và bổ sung một số điều Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

5.2 Nguyên tắc kế toán TSCĐ thuê tài chính:

Thuê tài chính được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê tài chính được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

6. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại:

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế phát sinh trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Thuế thu nhập} \\ \text{hoãn lại phải trả} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chênh lệch tạm} \\ \text{thời chịu thuế} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Thuế suất thuế thu nhập doanh} \\ \text{nghiệp hiện hành (\%)} \end{array}$$

Trường hợp tại thời điểm ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã biết trước có sự thay đổi về thuế suất thuế TNDN trong tương lai, nếu việc hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới đã có hiệu lực thì thuế suất áp dụng để ghi nhận thuế hoãn lại phải trả được tính theo thuế suất mới.

Cơ sở tính thuế của tài sản hoặc nợ phải trả và Chênh lệch tạm thời:

- Cơ sở tính thuế của tài sản là giá trị sẽ được trừ khỏi thu nhập chịu thuế khi thu hồi giá trị ghi sổ của tài sản. Nếu thu nhập không phải chịu thuế thì cơ sở tính thuế của tài sản bằng giá trị ghi sổ của tài sản đó. Cơ sở tính thuế của nợ phải trả là giá trị ghi sổ của nó trừ đi (-) giá trị sẽ được khấu trừ vào thu nhập chịu thuế khi thanh toán nợ phải trả trong các kỳ tương lai. Đối với doanh thu nhận trước, cơ sở tính thuế là giá trị ghi sổ của nó, trừ đi phần giá trị của doanh thu không phải chịu thuế trong tương lai.

- Chênh lệch tạm thời là khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của tài sản hoặc nợ phải trả trong Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế của tài sản hoặc nợ phải trả đó. Chênh lệch tạm thời gồm 2 loại: Chênh lệch tạm thời được khấu trừ và chênh lệch tạm thời chịu thuế. Chênh lệch tạm thời chịu thuế là các khoản chênh lệch tạm thời làm phát sinh khoản thuế thu nhập phải trả khi xác định thu nhập chịu thuế trong tương lai khi giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản được thu hồi hoặc nợ phải trả được thanh toán.

+ Chênh lệch tạm thời về thời gian chỉ là một trong các trường hợp chênh lệch tạm thời, ví dụ: Nếu lợi nhuận kế toán được ghi nhận trong kỳ này nhưng thu nhập chịu thuế được tính trong kỳ khác.

+ Các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản hoặc nợ phải trả so với cơ sở tính thuế của tài sản hoặc nợ phải trả đó có thể không phải là chênh lệch tạm thời về mặt thời gian, ví dụ: Khi đánh giá lại một tài sản thì giá trị ghi sổ của tài sản thay đổi nhưng nếu cơ sở tính thuế không thay đổi thì phát sinh chênh lệch tạm thời. Tuy nhiên thời gian thu hồi giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế không thay đổi nên chênh lệch tạm thời này không phải là chênh lệch tạm thời về thời gian.

+ Kế toán không tiếp tục sử dụng khái niệm “Chênh lệch vĩnh viễn” để phân biệt với chênh lệch tạm thời khi xác định thuế thu nhập hoãn lại do thời gian thu hồi tài sản hoặc thanh toán nợ phải trả cũng như thời gian để khấu trừ tài sản và nợ phải trả đó vào thu nhập chịu thuế là hữu hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ khi thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán phải xác định các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế phát sinh trong năm hiện tại làm căn cứ xác định số thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận trong năm.

Việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm được thực hiện theo nguyên tắc bù trừ giữa số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm nay với số thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã ghi nhận từ các năm trước nhưng năm nay được ghi giảm (hoàn nhập), theo nguyên tắc:

- Nếu số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn số thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm, kế toán chỉ ghi nhận bổ sung số thuế thu nhập hoãn lại phải trả là số chênh lệch giữa số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh lớn hơn số được hoàn nhập trong năm;

- Nếu số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm, kế toán chỉ ghi giảm (hoàn nhập) số thuế thu nhập hoãn lại phải trả là số chênh lệch giữa số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh nhỏ hơn số được hoàn nhập trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm không liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu phải được ghi nhận là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm.

Kế toán phải ghi giảm thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế không còn ảnh hưởng tới lợi nhuận tính thuế (khi tài sản được thu hồi hoặc nợ phải trả được thanh toán).

Việc bù trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ thực hiện khi lập Bảng cân đối kế toán, không thực hiện khi ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trên sổ kế toán.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả:

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính:

Các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp. Không phản ánh các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, phải theo dõi chi tiết nguyên tệ và thực hiện theo nguyên tắc:

- Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;
- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;
- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

10.1 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

10.2 Tỷ lệ vốn hoá chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ: Không phát sinh.

11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

12.1 Vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông, chủ sở hữu.

12.2 Thặng dư vốn cổ phần:

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12.3 Vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

12.4 Cổ phiếu quỹ:

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

13.1 Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm:

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

13.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

13.3 Doanh thu hoạt động tài chính:



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. **Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính:** Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Không hạch toán vào chi phí tài chính những nội dung chi phí sau đây:

- Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Chi phí kinh doanh bất động sản;
- Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản;
- Các khoản chi phí được trang trải bằng nguồn kinh phí khác;
- Chi phí khác.

15. **Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:**

a. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng:

Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí bán hàng không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

Chi phí bán hàng được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như: Chi phí nhân viên, vật liệu, bao bì, dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ; dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

b. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:

Các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (Điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (Tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

16. **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:**

16.1 **Thuế TNDN hiện hành:**



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16.2 Thuế TNDN hoãn lại:

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp;
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế;

17. Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

I. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

* Tiền mặt (VND)

Số cuối năm

Số đầu năm

6.447.523.910

8.068.078.850

* Tiền gửi ngân hàng

43.968.514.203

12.269.741.138

- Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam

43.951.936.174

12.231.161.804

- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

1.404.403

23.472.142

- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Chợ Lớn

2.032.942

2.032.942

- Ngân hàng Phát triển VN - CN Bình Thuận

13.140.684

13.074.250

* Các khoản tương đương tiền

50.416.038.113

20.337.819.988

Cộng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đầu tư xây dựng	1.631.974.615	10.484.913.000
Đầu tư tài sản cố định	473.121.460	1.285.480.184
Đầu tư tài sản vô hình	2.418.959.000	4.244.626.000
Đầu tư khác	570.306.731	570.306.731
Đầu tư khác	233.388.000	233.388.000
Đầu tư khác	3.699.412.069	4.717.298.114
Đầu tư khác	1.041.138.715	1.041.138.715
Đầu tư khác	740.199.309	740.199.309
Đầu tư khác	952.324.410	1.452.324.410
Đầu tư khác	15.068.864.044	13.748.614.408
Đầu tư khác	2.233.000	41.372.000
Đầu tư khác	74.988	108.444.000
Đầu tư khác	38.579.000	520.486.000
Đầu tư khác	11.772.000	8.565.757.500
Đầu tư khác	155.882.759	5.142.175.298
Đầu tư khác		29.749.039.000
Đầu tư khác		7.423.954.000
Đầu tư khác		81.007.760
Đầu tư khác	1.792.902.500	1.792.902.500
Đầu tư khác		11.368.013.131
Đầu tư khác	134.679.499	134.679.499
Đầu tư khác	18.793.117	18.793.117
Đầu tư khác		1.333.217.284
Đầu tư khác	25.485.903	25.485.903
Đầu tư khác	162.447.450	162.447.450
Đầu tư khác	41.638.080	41.638.080
Đầu tư khác		153.105.000
Đầu tư khác		3.422.042.000
Đầu tư khác	5.674.880	5.674.880
Đầu tư khác	950.000	950.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3
 Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

Điểm 6: T/c đoạn trên quốc lộ 91 An Giang	476.508.000	195.076.000
Điểm 7: ATGT: (DA MR đường Phan Văn Trị)	38.587.000	13.765.263
Điểm 8: S/c gic Cầu Mộc hóa - QL 62, cầu Ván 1,2 - Q 11)	505.749.000	23.818.333
Điểm 9: Nâng cấp đường PVT đoạn từ Cầu hang đến TSN	626.194.000	184.913.000
Điểm 10: Phân thổ & xây trát trạm biến áp 1,5,6	920.335	81.675.000
Điểm 11: IA : XD đường cao tốc Bến Lức - long Thành	2.083.693.085	80.000.000
Điểm 12: S3 : DDS- Bệnh viện Long Khánh	580.704.000	182.690.523
Điểm 13: S5 : Cầu Sông Pha	952.571.000	130.689.000
Điểm 14: Cầu vượt Nguyễn Thái Sơn	6.534.530.731	20.000.000
Điểm 15: Công cứ chống sạt lở 2 bờ Phà Láng sắt	2.733.951.071	15.460.581.199
Điểm 16: D kéo dài ĐS nội bộ số 2	354.534.000	10.178.379
Điểm 17: 2B : SCL ĐS Mường Thanh - Cao Sơn	2.300.291.571	477.495.000
Điểm 18: Công ty Cổ phần XDCT và Thương Mại 124	88.890.000	142.274.000
Điểm 19: Công ty Cổ phần Vật Tư & XDCT Tại Cần Thơ	13.765.263	3.348.421.194
Điểm 20: Công ty TNHH DV-TM-SX Xây Dựng Đồng Mê Kông	23.818.333	576.328.987
Điểm 21: Công ty Thái Bình Dương - CN Long An	184.913.000	323.325.053
Điểm 22: Công ty CP Công Trình Thành Phát	81.675.000	10.582.558.586
Điểm 23: Công ty TNHH XDCT & TM Hoàng Anh	80.000.000	67.201.231.016
Điểm 24: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và kỹ thuật Vinaconex	182.690.523	5.288.302.780
Điểm 25: Công ty CP ĐT Xây Dựng Thương Mại Đỗ Gia	130.689.000	420.458.546
Điểm 26: Công ty TNHH TM DV XD Nhân Hưng Tài	20.000.000	477.495.000
Điểm 27: Đại thụ dài hạn của khách hàng	15.460.581.199	142.274.000
Điểm 28: án Nam Sông Hậu (Cầu Mái Dầm + Cầu Ngọn Ngang)	10.178.379	3.348.421.194
Điểm 29: a 1651-1653 (Ray, lập lách GTGC)	477.495.000	576.328.987
Điểm 30: ray ray Km1711-1721 (Ray GTGC)	142.274.000	323.325.053
Điểm 31: i thầu WB4 - 15	3.348.421.194	80.000.000
Điểm 32: i thầu WB4 - 12 (Công ty 6)	576.328.987	81.675.000
Điểm 33: u Thủy Thuộc	323.325.053	80.000.000
Điểm 34: Công Trình: 05 Cầu treo Tây nguyên	10.582.558.586	81.675.000
Cộng	67.201.231.016	122.865.670.567



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

A. TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN	Số cuối năm	Số đầu năm
đã trước cho người bán ngắn hạn	15.012.010.536	8.823.095.984
ng ty TNHH MTV SX TM DV XD Minh Thành	62.998.497	62.998.497
ng ty TNHH XD và cho thuê Thiết Bị Kiều Minh Tâm	49.273.454	49.273.454
ng ty CP ĐT XD Tam Bình	190.000.000	190.000.000
ng ty CP ĐT XD số 10	97.140.393	97.140.393
Văn Nguyễn		404.745.986
ng ty TNHH SX - TM - DV Trường Tâm	392.054.506	765.171.758
ng ty TNHH kinh doanh thương mại Đại Thành		68.181.650
ng ty CP Đầu tư phát triển xây dựng Việt Nam		619.635.390
ng ty TNHH tư vấn xây dựng Điện Thành Thái		150.000.000
ng ty TNHH thương mại kỹ thuật Sài Gòn Hoàng Tín	56.926.355	56.926.355
ng ty TNHH TSI Việt Nam		227.700.000
ng ty TNHH VLXD Nguyễn Nhung		226.770.000
ng ty TNHH XD XL MT Tân Đại Dương	419.474.550	419.474.550
ng ty TNHH XDGT Việt Phương	80.000.000	80.000.000
ng ty TNHH XNK Hùng Dũng	50.930.000	50.930.000
ng ty CP ĐT & PT Cường Thuận indico	61.039.550	61.039.550
ng ty CP XD & TM Đất Việt	55.051.621	236.677.931
ng ty XD & TM Long An	80.000.000	80.000.000
TTN Nguyễn Hồng Lai		93.791.870
ng ty TNHH vận tải Thuận Phát	69.060.000	69.060.000
ng ty CP Đại Lâm	89.532.330	89.532.330
ng ty CP PT Thương Mại Bình Minh	98.126.220	98.126.220
ng ty TNHH SX TMDVKT Sáng tạo Việt	87.779.000	87.779.000
ng ty TNHH DVPT Tiến Thành	42.120.000	42.120.000
ng ty TNHH TM DV xăng dầu Phát Lợi	42.188.000	42.188.000
ng ty TNHH MTV DV VT Huy Hoàng Phát	42.300.000	42.300.000
ng ty TNHH Hữu San	658.784.300	843.515.597



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

Công ty CP VLXD Thế giới Nhà		159.750.000
1 VLXD Quang Linh		188.415.465
Công ty TNHH XD KT CB PUHA	156.257.161	424.000.000
Công ty CP Xây dựng Nguyễn Vũ Lê	424.000.000	50.000.000
Chi nhánh DNTN Phong truyền	50.000.000	100.000.000
Công ty TNHH MTV tổng Công ty 28	42.118.200	365.982.400
TTN Thanh Tùng		270.000.000
Công ty cổ phần Bê tông 6		324.000.000
Công ty cổ phần xây dựng Tacons		50.000.000
Công ty cổ phần thương mại Lâm Đồng	50.000.000	110.970.750
Công ty cổ phần CK XD TM Sóng Thần	110.970.750	50.000.000
ở Quốc Đạo		600.000.000
Công ty CP XD & TM Đất Việt		244.200.000
Công ty TNHH DV Cát Nhật		3.620.100.000
Công ty TNHH Thiết bị công nghiệp Nam Việt		192.851.000
Công ty Cổ phần Vũ Đức		2.084.890.000
Công ty TNHH đúc tháng Năm		644.760.000
Công ty TNHH cơ khí xây dựng Hoàng gia		370.000.000
Công ty CP ĐT & XD Công trình Miền Đông		170.000.000
Công ty CP xây dựng Phú Thành		48.400.000
Công ty TNHH tự động Tân Minh		1.125.058.000
Công ty CP TM & XD Nhật Quang	67.200.000	613.266.912
Công ty TNHH tư vấn quốc tế Time Super C	613.266.912	67.886.000
1 Công ty CP CT 6		905.525.768
Công ty TNHH Thanh Bình	1.544.000	1.544.000
Công ty TNHH LMS Technologies Viet Nam	851.499	129.250.000
ở nhà cung cấp khác	30.000	650.402.426
Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng & Thương Mại Quốc Tế		
Công ty cổ phần Nguyễn Thịnh		
Công ty TNHH Xây Dựng Giao Thông Bình An		



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

Công ty TNHH Hữu Tài	30.000.000	
Công ty TNHH Dịch Vụ Kỹ Thuật Xâu Dựng Nguyễn Hợp	30.000.000	
Công ty Cổ Phần Diệu Cường	500.480.000	500.480.000
Công ty TNHH Dịch Vụ An Toàn Đường Thủy số 1	20.000.000	20.000.000
Công ty TNHH Xây Dựng Sơn Hải	37.098.750	
KTN Trọng Trí Dũng	28.000.000	
Công ty TNHH SX VLXD Vĩnh Hải	1.743.720	
Công ty TNHH TMDV thiết bị y tế & máy VP		6.000.000
Đàm Kim Mai		48.000.000
TỔNG CỘNG	1.384.212.791	1.384.212.791
Công ty CP Bê tông 620 Long An	64.262.760	64.262.760
Công ty TNHH XD Bảo Nam Long	77.592.000	77.592.000
Công ty TNHH Máy và Thiết bị Thiên Vũ Ngô	52.400.000	52.400.000
Công ty TNHH Tuấn Cường	98.830.000	98.830.000
Công ty TNHH Tiến Cường	240.494.861	240.494.861
Công ty TNHH XD TM TH Thịnh Hưng	220.000.000	220.000.000
Công ty TNHH MTV VTHH Đường sắt	85.151.700	85.151.700
Công ty TNHH MTV QLĐS Phú Khánh	32.124.000	32.124.000
Công ty Lâm Giang	83.987.500	83.987.500
Công ty TNHH TV-XD Tiến Phát	265.400.000	265.400.000
CP PT & KD nhà Ninh Thuận	47.469.970	47.469.970
Công ty CP XNK VT TB DS Lào cai	56.500.000	56.500.000
Đen lực Dĩ an	60.000.000	60.000.000
TỔNG CỘNG	16.396.223.327	10.207.308.775

Cộng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
CHÍNH THU KHÁC				
Chênh lệch thu ngân hàng khác	109.700.135.498	-	76.519.287.508	-
Chênh lệch thu khác	72.231.975.783	-	50.137.414.217	-
Chênh lệch khoản tạm ứng	37.468.159.715	-	26.381.873.291	-
Chênh lệch dài hạn khác	41.576.539	-	41.576.539	-
Chênh lệch quỹ dài hạn	41.576.539	-	41.576.539	-
Cộng	109.741.712.037		76.560.864.047	

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
CHÍNH THU				
Chênh lệch thu khách hàng				
phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Trên 5 năm	814.382.899	Trên 5 năm	814.382.899
phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Trên 3 năm	-	Trên 3 năm	-
Cộng		814.382.899		814.382.899



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

CHẾ ĐỘ TỐN KHO

Giá gốc hàng tồn kho
Nguyên liệu, vật liệu
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Cộng

Số cuối năm		Số đầu năm	
Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
60.373.580.951	-	57.906.713.308	-
11.273.772.590	-	11.067.364.416	-
49.099.808.361	-	46.839.348.892	-
60.373.580.951		57.906.713.308	

SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

Chi phí dựng cơ bản dở dang
Chi phí lắp đặt trạm điện
Chi phí thực hiện dự án NM Bình Thuận
Chi phí thực hiện dự án khu CN Giang Điền

Cộng

Số cuối năm		Số đầu năm	
Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
3.536.674.846	-	3.536.674.846	-
340.363.888	-	340.363.888	-
972.356.040	-	972.356.040	-
2.223.954.918	-	2.223.954.918	-
3.536.674.846		3.536.674.846	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tổng Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	8.335.535.987	40.629.126.519	4.828.332.107	227.478.417	54.020.473.030
- Mua trong năm		1.783.799.273			1.783.799.273
- Cải tạo sửa chữa					
- Đầu tư XDCB hoàn thành	24.773.629.568	10.346.543.963			35.120.173.531
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	33.109.165.555	52.759.469.755	4.828.332.107	227.478.417	90.924.445.834
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	4.413.735.957	33.926.649.028	4.828.332.107	226.552.338	43.395.269.430
- Khấu hao trong năm	901.018.423	3.820.071.677		926.079	4.722.016.179
- Tăng khác					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác (Loại trừ do thoái vốn 02 cty con)					
Số dư cuối năm	5.314.754.380	37.746.720.705	4.828.332.107	227.478.417	48.117.285.609
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	3.921.800.030	6.702.477.491		926.079	10.625.203.600
2. Tại ngày cuối năm	27.794.411.175	15.012.749.050			42.807.160.225

11720-C
 CÔNG TY
 KIỂM TRA VÀ
 CHẤM DẤU
 CHẤM DẤU
 CHẤM DẤU
 CHẤM DẤU
 CHẤM DẤU

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a- Chi phí trả trước ngắn hạn

b- Chi phí trả trước dài hạn

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
1.250.000	4.250.000
35.120.856.020	16.667.807.400
<u>35.122.106.020</u>	<u>16.672.057.400</u>

11. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

* Ngắn hạn

- Thuế GTGT được khấu trừ

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
8.964.061.763	6.442.017.662
8.964.061.763	6.442.017.662
<u>8.964.061.763</u>	<u>6.442.017.662</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

1. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a- Vay ngắn hạn						
* Vay ngắn hạn ngân hàng	109.861.856.959	109.861.856.959	138.923.826.355	132.376.803.830	103.314.834.434	103.314.834.434
- Ngân hàng TMCP Dầu tư & Phát triển VN - CN TP. Hồ Chí Minh	105.573.856.959	105.573.856.959	125.173.826.355	122.626.803.830	103.026.834.434	103.026.834.434
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	102.623.856.959	102.623.856.959	119.323.826.355	116.826.803.830	100.126.834.434	100.126.834.434
* Vay cá nhân	2.950.000.000	2.950.000.000	5.850.000.000	5.800.000.000	2.900.000.000	2.900.000.000
b- Vay dài hạn						
* Vay dài hạn ngân hàng	4.288.000.000	4.288.000.000	13.750.000.000	9.750.000.000	288.000.000	288.000.000
- Ngân hàng TMCP Dầu tư & Phát triển VN - CN TP. Hồ Chí Minh	21.438.737.082	21.438.737.082	21.188.937.082	251.736.400	501.536.400	501.536.400
- Ngân hàng TMCP Dầu tư & Phát triển VN - CN TP. Hồ Chí Minh	21.138.737.082	21.138.737.082	21.188.937.082	251.736.400	501.536.400	501.536.400
* Vay dài hạn có nhân	21.138.737.082	21.138.737.082	21.188.937.082	251.736.400	201.536.400	201.536.400
Cộng	300.000.000	300.000.000	160.112.763.437	132.628.540.230	103.816.370.834	103.816.370.834

2. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
* Phải trả người bán ngân hàng				
- Công ty TNHH MTV VT&SC ở tổ Minh Tam	23.581.302.608	23.581.302.608	20.990.716.572	20.990.716.572
- Công ty TNHH XD Hương hoa Mai			63.096.000	63.096.000
- Công ty TNHH Phùng thịnh	2.629.256.219	2.629.256.219	100.000.000	100.000.000
- Công ty TNHH TB & PT Hiếu Hưng	37.117.350	37.117.350	2.629.256.219	2.629.256.219
- Công ty TNHH KD TM Đại Thành	100.000.000	100.000.000	137.117.350	137.117.350
- Công ty TNHH kỹ thuật Đồng Thuận Phát	26.655.423	26.655.423	26.655.423	26.655.423
- Công ty TNHH TM XD Phú an Nhân	41.557.560	41.557.560	84.557.560	84.557.560
- Công ty TNHH Đạt Nam Long	116.000.089	116.000.089	116.000.089	116.000.089



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

- Công ty TNHH DV XD ĐT Tuấn Lâm	72.878.795	72.878.795	157.933.528	157.933.528
- Công ty TNHH MTV DV Bảo vệ Thái Đạt	41.707.600	41.707.600	677.268.080	677.268.080
- Công ty TNHH XDDV TM trang trí NT CTHOME	76.808.060	76.808.060	41.395.200	41.395.200
- DNTN Tuấn Ân Nguyễn	41.977.863	41.977.863	6.473.198	6.473.198
- Các nhà cung cấp khác	187.713.528	187.713.528	40.000.000	40.000.000
- Công ty TNHH XD GT Việt Phương	409.417.853	409.417.853	105.979.063	105.979.063
- Nhà cung cấp khác	69.350.000	69.350.000	42.800.000	42.800.000
- Công ty TNHH TM VLXD An Khang	6.473.198	6.473.198	402.614.366	402.614.366
- Công ty TNHH MTV DV TM Cương Tuyển	40.000.000	40.000.000	163.590.000	163.590.000
- Công ty TTTT đường sắt SG	105.979.063	105.979.063	112.921.860	112.921.860
- Công ty TNHH XD Kim Thanh	42.800.000	42.800.000		
- Công ty CP Vũ Đức	202.614.366	202.614.366		
- Công ty TNHH MTV Trí Nhân Phát	112.921.860	112.921.860		
- Các nhà cung cấp khác	207.750.000	207.750.000		
- Công ty TNHH CN KT Việt Nam	176.150.000	176.150.000		
- Công ty TNHH Sơn Thế Hệ Mới	29.345.500	29.345.500		
- Các nhà cung cấp khác	798.874.900	798.874.900		
- Công ty chế biến lâm sản cà PT nông nghiệp	21.791.600	21.791.600		
- Công ty TNHH Tân Á	204.876.000	204.876.000		
- Công ty TNHH MTV TM Tân Á	21.793.119	21.793.119		
- Các nhà cung cấp khác	362.978.500	362.978.500		
- Công ty TNHH Sơn Thế hệ Mới	15.180.800	15.180.800		
- Công ty TNHH SX & TM Tân Gia Định	60.275.530	60.275.530		
- Công ty TNHH MTV Anh Vạn Phát	380.308.132	380.308.132		
- Công ty CP XD Lĩnh Nam	45.000.000	45.000.000		
- Công ty CP Bê tông 6	236.936.975	236.936.975		
- Công ty CP Nhân Luật Miền tây	309.109.800	309.109.800		
- Công ty Thiết bị Phụ Tùng Hiếu Hưng				
- Công ty TNHH CN KT Việt Nam				
- Công ty TNHH KT CN An Thịnh Phát				
			2.955.500	2.955.500
			798.874.900	798.874.900
			21.791.600	21.791.600
			881.975.000	881.975.000
			82.311.600	82.311.600
			118.339.800	118.339.800
			591.570.219	591.570.219
			309.109.800	309.109.800
			298.650.000	298.650.000
			99.380.000	99.380.000



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

- Công ty TNHH IS Sài Gòn	166.945.478	166.945.478	366.945.478	366.945.478
- Công ty TNHH SX CK TM Dịch vụ Nam Kim	24.929.055	24.929.055	24.929.055	193.427.599
- Công ty CP Vận tải Sao Biển			49.500.000	49.500.000
- Công ty cổ phần Vật tư Tiến Lâm			335.931.083	335.931.083
- Công ty TNHH XD KT CB PUHA			167.007.845	167.007.845
- Công ty TNHH KDV TM Thanh Bình			100.004.310	100.004.310
- Công ty TNHH DV VT Hùng Minh Phát			89.760.000	89.760.000
- Công ty CP bê tông Hồng hà	239.536.464	239.536.464	298.440.000	298.440.000
- CN Công ty CP LQ Jonton Hà Nội	33.744.000	33.744.000	416.896.464	416.896.464
- Công ty TNHH TM DV XD Mai Quốc Anh	88.000.000	88.000.000	313.008.150	313.008.150
- Công ty TNHH TM DV XD Thiện Phong			88.000.000	88.000.000
- Công ty TNHH Tachsafe Vietj Nam			153.972.500	153.972.500
- DNTN DV VTHH Nhật Hà	139.959.175	139.959.175	68.250.000	68.250.000
- Các nhà cung cấp khác			116.392.300	116.392.300
- Công ty chế biến lâm sản cá PT nông nghiệp			389.555.104	389.555.104
- Công ty TNHH KD XNK Minh Đức			279.029.575	279.029.575
- Công ty TNHH Kỹ thuật Nền Móng & XD Hồng Đức	251.756.008	251.756.008	251.756.008	251.756.008
- Công ty TNHH thép IPC Sài Gòn			5.595.475	5.595.475
- Công ty CP DV ĐT XD & TM Tân Thắng Lợi	749.909.679	749.909.679	749.909.679	749.909.679
- Công ty CP Thương Mại và Vận Tải Đức Minh			162.350.200	162.350.200
- Công ty CP ĐT Thương Mại và Xây Dựng 18A	350.000.000	350.000.000	350.000.000	350.000.000
- Công ty Quản lý ĐS Sài Gòn	71.366.751	71.366.751	71.366.751	71.366.751
- DNTN Minh Loan			91.987.500	91.987.500
- Trung tâm ứng dụng KHCN GTVT			65.500.000	65.500.000
- Công ty TNHH ĐT TM XD CT MHT			135.930.574	135.930.574
- CN TỔNG Công ty ĐSVN - Khai thác ĐS SG	35.739.000	35.739.000	71.478.000	71.478.000
- Công ty CP Bê tông 620 Châu Thới			2.469.200.000	2.469.200.000
- Công ty CP TVXD & KD CLCT Tín Nghĩa	45.867.353	45.867.353	45.867.353	45.867.353
- Công ty TNHH SX TM Khắc Nguyễn	181.500.000	181.500.000	181.500.000	181.500.000
- Công ty TNHH LMS Technologies Viet Nam	129.250.000	129.250.000	129.250.000	129.250.000



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

- Công ty TNHH SX TM Xd Minh Hoàng	411.350.000	411.350.000	144.821.808	144.821.808
- Công ty TNHH MTV XD Phúc Thịnh - Bình Minh	323.000.000	323.000.000	51.350.000	51.350.000
- Công ty Cổ phần SBTECH	167.623.555	167.623.555	122.156.000	122.156.000
- Công ty TNHH TMXD và CT Thăng Long	719.330.040	719.330.040	30.050.910	30.050.910
- Công ty TNHH thép IPC Sài Gòn	4.026.151.670	4.026.151.670	117.884.000	117.884.000
- Công ty TNHH MTV bê tông TICCO	1.721.610.000	1.721.610.000	75.791.000	75.791.000
- Công ty CP TM TV Tân cơ	1.852.969.543	1.852.969.543	46.828.000	46.828.000
- Trung tâm NC CN & TB công nghiệp	65.646.700	65.646.700	42.000.000	42.000.000
- Các nhà cung cấp khác	36.418.246	36.418.246	126.700.000	126.700.000
- Công ty Cổ Phần XD TM Văn Tài			72.704.600	72.704.600
- Công ty TNHH XDCT & TM Hoàng Anh	232.156.000	232.156.000	1.046.449.000	1.046.449.000
- Trung Tâm Khoa Học Địa Chất - Công Trình	30.050.910	30.050.910	383.889.000	383.889.000
- Công ty TNHH SX - TM Cao Su Kỹ Thuật Su Sơn	75.791.000	75.791.000	1.809.327.700	1.809.327.700
- Công ty Cổ Phần Xây Dựng Công Trình Giao Thông 61			59.940.000	59.940.000
- Công ty Cổ Phần Xây Dựng Và Thương Mại Bình An	42.000.000	42.000.000	81.398.752	81.398.752
- Công ty TNHH Xây Dựng Xứ Lý Môi Trường Tân Đại Dương	145.600.000	145.600.000	81.398.752	81.398.752
- Công ty TNHH Ngọc Khang	32.704.600	32.704.600	744.729.325	744.729.325
- Công ty TNHH XD CT Long An	546.449.000	546.449.000	682.000.000	682.000.000
- Công ty cổ phần Vũ Đức	383.889.000	383.889.000	224.895.000	224.895.000
- Công ty TNHH TM DV ĐT Phương Hòa Hiệp			211.300.000	211.300.000
- DNTN Trí trọng Dũng	81.398.752	81.398.752	190.000.000	190.000.000
- Công ty TNHH XD TQH	744.729.325	744.729.325	142.473.600	142.473.600
- Công ty TNHH TV DV XD TL Tân Anh Tú	682.000.000	682.000.000	113.850.000	113.850.000
- Công ty TNHH TM DV Ô Tô Tài Số 6	224.895.000	224.895.000		
- Công ty TNHH MTV Minh Tuấn Long An	211.300.000	211.300.000		
- Công ty TNHH Kinh Doanh Dịch Vụ Tín Lâm	190.000.000	190.000.000		
- Chi nhánh Công ty CPPTHT & BDS Thái Bình Dương Tại Long An	142.473.600	142.473.600		
- DNTN Gạch Tư Hiền	113.850.000	113.850.000		
- Công ty TNHH Hoa Viên Nông Lâm Đô Thị				



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

- Công ty TNHH Hồng Hà	87.207.200	87.207.200	70.885.527	70.885.527
- Trần Văn Hiệu - Tờ nhân công thuê ngoài Long Khánh	48.600.000	48.600.000	47.002.700	47.002.700
- Trương Văn Lành - tờ nc thuê ngoài Long Khánh	45.510.000	45.510.000	64.373.400	64.373.400
- Trung Tâm Nghiên Cứu Vật Liệu Polymer	43.164.000	43.164.000	141.315.350	141.315.350
- DNTN Tín Thịnh	38.695.988	38.695.988	206.600.001	206.600.001
- Công ty CP Cấu KIỆN Bê Tông Nhôm Trạch 2	34.384.000	34.384.000	84.000.400	84.000.400
- Công ty TNHH Kinh Châu	21.742.589	21.742.589	64.108.000	64.108.000
- Nguyễn Ngọc Thu - tờ nc thuê ngoài cao tốc	15.040.000	15.040.000	54.909.600	54.909.600
- Nguyễn Hoà Bình - tờ nc thuê ngoài cao tốc	13.865.000	13.865.000	83.901.973	83.901.973
- Công ty CP VLXD Thế Giới Nhà	12.252.801	12.252.801	117.876.000	117.876.000
- Công ty TNHH MTV TM DV Phước yển	252.351.443	252.351.443	73.739.800	73.739.800
- Phải trả cho người bán khác	25.000.000	25.000.000	75.178.450	75.178.450
* Phải trả người bán dài hạn	3.805.189.437	3.805.189.437	56.699.170	56.699.170
- Công ty TNHH SX Tân Gia Định	47.002.700	47.002.700	489.319.231	489.319.231
- Công ty CP Dầu tư Dịch Vụ Phan Vũ	64.373.400	64.373.400	150.000.000	150.000.000
- Công ty TNHH Bảo Toàn	141.315.350	141.315.350	98.062.750	98.062.750
- Công ty TNHH XD & TM Tuấn Tú	206.600.001	206.600.001	147.556.000	147.556.000
- Công ty TNHH MTV Lâm Dương Quảng trị	84.000.400	84.000.400	422.217.245	422.217.245
- Công ty TNHH MTV QLĐS Phú Khánh	64.108.000	64.108.000		
- VLXD Dung	54.909.600	54.909.600		
- Công ty TNHH XD TM & DV XNK Hải Sơn	83.901.973	83.901.973		
- Công ty QLĐS Phú Khánh	117.876.000	117.876.000		
- Công ty TNHH MTV Vận tải hàng hóa ĐS	73.739.800	73.739.800		
- DNTN Tân Phú Định	75.178.450	75.178.450		
- CN Công ty CP SXTM Hữu nghị - NM Bình Dương	56.699.170	56.699.170		
- Công ty TNHH MTV TMDV & SX Hạo Đức	489.319.231	489.319.231		
- Công ty CP Dầu tư TM Kim Bảo	150.000.000	150.000.000		
- Công ty TNHH XD TM DV Khang Thái	98.062.750	98.062.750		
- XN TV XDCT Giao thông 5.1	147.556.000	147.556.000		
- Công ty TNHH MTV Đại Tân Thắng	422.217.245	422.217.245		
			3.979.897.592	3.979.897.592
			47.002.700	47.002.700
			64.373.400	64.373.400
			141.315.350	141.315.350
			206.600.001	206.600.001
			84.000.400	84.000.400
			64.108.000	64.108.000
			54.909.600	54.909.600
			83.901.973	83.901.973
			117.876.000	117.876.000
			73.739.800	73.739.800
			75.178.450	75.178.450
			56.699.170	56.699.170
			489.319.231	489.319.231
			150.000.000	150.000.000
			98.062.750	98.062.750
			147.556.000	147.556.000
			422.217.245	422.217.245

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

- Công ty TNHH TM DV Thuận Minh	79.500.000	79.500.000	79.500.000	79.500.000
- Công ty CP VLXD Thế giới Nhà	815.168.022	815.168.022	815.168.022	815.168.022
- Công ty TNHH MTV Vật tư ĐS Đà Nẵng	445.936.345	445.936.345	445.936.345	445.936.345
- Công ty TNHH XD TM DV Linh Tú	87.725.000	87.725.000	87.725.000	87.725.000
Cộng	27.386.492.045	27.386.492.045	24.970.614.164	24.970.614.164

1. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

* Người mua trả tiền trước ngắn hạn

- Cầu Hải Triều + Bình Lộc 2	70.011.463.039	70.011.463.039	15.699.490.539
- Cầu Bình Lợi	146.909.500	146.909.500	
- Cầu Tăng Long	40.000.000.000	40.000.000.000	
- Công ty Hitachi	18.908.463.000	18.908.463.000	
- GT số 35: 7 cầu đường sắt	39.600.000	39.600.000	
- Thi công phần thô nhà Papillon A,B	8.166.000.000	8.166.000.000	
- Gói số 1 cầu Rạch tre, cá ngừ	1.394.039.815	1.394.039.815	1.394.039.815
- T/c phần thô & xây trạm biến áp 1,5,6	2.469.724	2.469.724	2.469.724
- Gói 6 : T/c đoạn trên QL 91 An Giang	152.970.000	152.970.000	152.970.000
- DB ATGT : DA MR đường Phan Văn Trị	4.920.396.000	4.920.396.000	4.920.396.000
- GT 6 : S/c , g/c cầu Mộc Hóa, cầu vắn 1,2	308.691.000	308.691.000	308.691.000
- MR, NC đường PVT đoạn từ Cầu hang đến TSN	1.580.000.000	1.580.000.000	1.580.000.000
- Công ty cổ phần Licogi 13	3.966.560.000	3.966.560.000	3.966.560.000
- Công ty CP PT HT & BĐS TBD - Long An	61.500.000	61.500.000	
Cộng	1.292.481.000	1.292.481.000	3.374.364.000
	70.011.463.039	70.011.463.039	15.699.490.539



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Phải thu	Phải nộp
THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP						
THUẾ						
- Thuế GTGT phải nộp		237.495.882	19.378.913.853	19.596.541.406		19.868.329
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	32.915.074	1.373.818.701	953.500.433	1.428.690.949	50.000.000	915.713.111
- Thuế nhà đất và tiền thuế đất			450.589.200	450.589.200		
- Thuế TNCN	852.848.196	12.187.380	717.027.015	378.360.714	503.381.895	1.387.380
- Thuế môn bài			15.000.000	15.000.000		
- Thuế khác						
Cộng	885.763.270	1.623.501.963	21.515.030.501	21.869.182.269	553.381.895	936.968.820
CÁC KHOẢN PHẢI NỘP KHÁC						
- Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác		138.298.088	301.494.239	381.938.265		57.854.062
Cộng	-	138.298.088	301.494.239	381.938.265	-	57.854.062

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Lương phải trả công nhân viên

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
4.178.794.884	7.173.299.400
4.178.794.884	7.173.299.400

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

* Chi phí phải trả ngắn hạn

- Trích trước chi phí công trình

* Chi phí phải trả dài hạn

- Trích trước chi phí công trình

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
2.987.203.971	15.002.936.238
2.987.203.971	15.002.936.238
11.960.430.184	15.118.450.071
11.960.430.184	15.118.450.071
14.947.634.155	30.121.386.309

18. PHẢI TRẢ KHÁC

* Phải trả ngắn hạn khác

- Kinh phí Công đoàn

- Bảo hiểm Xã hội

- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

* Phải trả nội bộ ngắn hạn

- Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam

* Phải trả dài hạn khác

- Các khoản phải trả, phải nộp khác

- Tiền nhận đặt cọc cho thuê mặt bằng

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
18.088.322.905	18.226.409.946
55.152.850	348.800
23.043.323	9.234.472
18.010.126.732	18.216.826.674
2.794.617.357	8.991.456.357
2.794.617.357	8.991.456.357
398.132.898	398.132.898
352.529.000	352.529.000
45.603.898	45.603.898
21.281.073.160	27.615.999.201

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

- Dự phòng phải trả khác

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
	3.500.000.000
	3.500.000.000

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI, BAN ĐIỀU HÀNH

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi

- Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
1.335.003.458	999.415.457
365.983.236	54.983.236
1.700.986.694	1.054.398.693



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2017

PHỤ LỤC SỐ HỮU

g đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu							Tổng Cộng
	1	2	3	4	5	6	7	
A								8
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80.000.000.000	5.396.161.000	30.258.902.224	(930.000)	1.622.907.459	13.547.351.953	17.305.763.990	148.130.156.626
Vốn đầu tư của chủ sở hữu năm trước								
Đổi trong năm trước								
Đổi trong năm trước khác								
Đổi trong năm trước			2.139.386.310					
Đổi do thoái vốn 02 Cty con khác							49.256.553	10.480.592.270
Vốn đầu tư của chủ sở hữu năm nay	80.000.000.000	5.396.161.000	28.119.515.914	(930.000)	1.622.907.459	11.549.663.411	2.133.042.228	128.820.360.012
Đổi trong năm nay								
Đổi trong năm nay khác			1.622.907.459				59.987.750	3.543.473.382
Vốn trong năm nay								1.622.907.459
Vốn trong năm nay khác (*)								
Vốn đầu tư của chủ sở hữu cuối năm nay	80.000.000.000	5.396.161.000	29.742.423.373	(930.000)	1.622.907.459	9.867.907.000	2.193.029.978	11.490.814.459

(*) Giá trị khác của Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được trích theo NQ đợt hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017-NQ/CT 3-DH/CDTN ngày 26/05/2017

ty CPĐT & XD Công trình 3

quỹ khen thưởng, phúc lợi
quỹ khen thưởng Ban điều hành
năm 2015 phải trả cho các cổ đông

Cộng

1.435.000.000
287.000.000
7.999.907.000
9.721.907.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

b/ Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	25%	19.739.180.000	19.739.180.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	75%	60.260.820.000	60.260.820.000
Cộng	100%	80.000.000.000	80.000.000.000

c/ Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	80.000.000.000	80.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	80.000.000.000	80.000.000.000

- Cổ tức lợi nhuận đã chia

d/ Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	93	93
+ Cổ phiếu phổ thông	93	93
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.999.907	7.999.907
+ Cổ phiếu phổ thông	7.999.907	7.999.907
+ Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/CP

e/ Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ Đầu tư phát triển	29.742.423.373	28.119.515.914
	29.742.423.373	28.119.515.914

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

* Nợ khó đòi, đã xử lý	Cuối năm	Đầu năm
	235.562.989	235.562.989
Cộng	235.562.989	235.562.989

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	20.379.350.020	11.294.532.971
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	101.650.585.197	417.882.851.365
- Doanh thu XDChB	53.467.055.176	
Cộng	175.496.990.393	429.177.384.336

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán & cung cấp dịch vụ	18.717.088.790	9.654.738.608
- Giá vốn hợp đồng xây dựng	90.696.112.049	376.661.582.391
- Giá vốn của DT XDChB	53.467.055.176	
Cộng	162.880.256.015	386.316.320.999

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay

Cộng

Năm nay

60.156.983

60.156.983

Năm trước

4.120.104.856

4.120.104.856

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

- Lãi tiền vay

Cộng

Năm nay

5.215.747.269

5.215.747.269

Năm trước

11.676.694.502

11.676.694.502

5. THU NHẬP KHÁC

- Thu nhập từ cho thuê mặt bằng

- Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ

- Thu nhập từ cho thuê máy móc, vật tư

- Thu nhập khác

Cộng

Năm nay

305.116.728

86.904.584

392.021.312

Năm trước

208.962.546

36.363.637

1.082.108.100

1.327.434.283

6. CHI PHÍ KHÁC

- Chi phí cho thuê mặt bằng

- Chi phí nộp phạt về thuế & truy thu thuế

- Chi phí khác

Cộng

Năm nay

99.896.152

44.906.657

144.802.809

Năm trước

10.242.182

282.772.085

3.732.845.655

4.025.859.922

7. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

* Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

- Chi phí nhân viên quản lý

- Chi phí khấu hao TSCĐ quản lý

- Thuế và lệ phí

- Chi phí dự phòng

- Chi phí thù lao HĐQT

- Các khoản chi phí QLDN khác

- Phân bổ vào DA Giang Điền

Cộng

Năm nay

5.006.172.770

685.747.343

1.411.082.821

-

355.640.000

2.075.513.893

(6.322.768.047)

3.211.388.780

Năm trước

8.582.980.790

1.119.041.924

1.937.324.704

3.500.000.000

494.960.000

3.139.749.809

18.774.057.227

8. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu

- Chi phí nhân công

- Chi phí máy

Trong đó: Chi phí khấu hao tài sản cố định

- Trực tiếp phí khác

Cộng

Năm nay

78.778.280.330

29.614.658.590

23.266.697.824

4.036.268.836

31.220.619.271

162.880.256.015

Năm trước

282.912.911.368

125.332.651.759

53.713.154.405

14.307.869.534

46.730.115.414

508.688.832.946

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành

Cộng

Năm nay

953.500.433

953.500.433

Năm trước

2.859.466.700

2.859.466.700

10. CHI PHÍ THUẾ TNDN HOÀN LẠI

- Chi phí thuế TNDN hoàn lại

Năm nay

-

Năm trước



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

11. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

* Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

- Công ty CPĐT & XD Công trình 3

Cộng

Trong đó: Chi phí cho thành viên HĐQT & BKS không tham gia SXKD

Năm nay	Năm trước
355.640.000	494.960.000
355.640.000	494.960.000
10.460.000	69.000.000

12. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỲ

a- Tổng lợi nhuận trước thuế

b- Các khoản điều chỉnh tăng

- Chi phí không hợp lệ

- Giảm khoản cổ tức được nhận của năm trước

c- Các khoản điều chỉnh giảm

- Cổ tức lợi nhuận được chia

d- Tổng thu nhập chịu thuế (d = a+b-c)

+ Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh

+ Các khoản thu nhập khác

e- Thuế TNDN phải nộp

+ Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh

+ Các khoản thu nhập khác

f- Thuế TNDN được miễn giảm

+ Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh

+ Các khoản thu nhập khác

g- Thuế TNDN còn phải nộp

h- Lợi nhuận sau thuế TNDN (h = a-g)

Năm nay	Năm trước
4.496.973.815	13.831.990.825
92.268.300	312.343.995
92.268.300	312.343.995
-	2.523.230.000
	2.523.230.000
4.589.242.115	11.621.104.820
953.500.433	2.859.466.700
953.500.433	2.859.466.700
3.543.473.382	10.972.524.125

13. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi

- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Năm nay	Năm trước
3.483.485.632	10.431.335.717
	1.722.000.000
3.483.485.632	8.709.335.717
7.999.907	7.999.907
435	1.089

VII. NHỮNG THÔNG TIN BỔ SUNG

1- Giao dịch giữa các bên liên quan:

Trong năm 2017, Công ty phát sinh một số nghiệp vụ với các bên có liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty CP XD Công trình Nam Tiến	Công ty con	Giá trị công trình công ty con đã thực hiện	19.303.230.000
		Nhượng bán vật tư	625.995.605
		Dịch vụ thí nghiệm	18.008.052
		Lãi vay	337.058.072

Tại ngày kết thúc năm tài chính 2017, công nợ phải thu, phải trả với các bên có liên quan như sau:

Công ty CP Xây dựng Công trình Nam Tiến

Số tiền (VND)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

Phải thu khác (khối lượng công trình)	10.976.278.500
Phải thu khác (nợ lãi vay, thí nghiệm)	720.814.084
Cộng	13.697.092.584
Công ty TNHH MTV cơ khí và xây dựng	Số tiền (VND)
Phải trả khác (tạm ứng theo HĐ)	800.000.000
Cộng	800.000.000

2. Báo cáo bộ phận

- Về lĩnh vực kinh doanh:

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng.

- Về khu vực địa lý:

Hoạt động sản xuất của Công ty nằm trong phạm vi cả nước;

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận.

Nhằm phục vụ cho mục đích quản lý, công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc nên việc báo cáo bộ phận được phân chia theo ngành hàng kinh doanh như sau:

Xây dựng và sản xuất và dịch vụ khác.

Chỉ tiêu	Xây dựng	Sản xuất, dịch vụ khác	Tổng Cộng
A- Kết quả			
1- Doanh thu	155.117.640.373	20.379.350.020	175.496.990.393
2- Chi phí	144.163.167.225	18.717.088.790	162.880.256.015
- Chi phí phân bổ trực tiếp (gồm cả giá vốn)	144.163.167.225	18.717.088.790	162.880.256.015
- Chi phí bán hàng			
3- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.954.473.148	1.662.261.230	12.616.734.378
B- Tổng giá trị của tài sản bộ phận	392.882.925.745	1.414.861.549	394.297.787.294
C- Nợ phải trả của bộ phận	254.010.680.688	17.791.180.212	271.801.860.900
D- Tổng chi phí phát sinh trong niên độ để mua TSCĐ			
E- Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí	4.553.932.391	454.575.539	5.008.507.930
- Tổng chi phí khấu hao TSCĐ	4.340.443.140	381.573.039	4.722.016.179
- Tổng chi phí phân bổ chi phí trả trước dài hạn	213.489.251	73.002.500	286.491.751

3. Công cụ tài chính

* Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của Nhà nước và vốn thuộc sở hữu của các cổ đông thiểu số tại các

* Các chính sách kế toán chủ yếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và Thuyết minh các công cụ tài chính trên báo cáo tài chính.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp

* *Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính*

	<u>Giá trị ghi sổ</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	50.416.038.113	20.337.819.988	50.416.038.113	20.337.819.988
Phải thu khách hàng và phải thu khác	176.942.943.053	199.426.534.614	176.128.560.154	198.612.151.715
Đầu tư ngắn hạn	-	650.000.000	-	650.000.000
Đầu tư dài hạn			-	-
Tài sản tài chính khác			-	-
Tổng Cộng	227.358.981.166	220.414.354.602	226.544.598.267	219.599.971.703
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay và nợ	131.300.594.041	103.816.370.834	131.300.594.041	103.816.370.834
Phải trả người bán và phải trả khác	45.872.947.848	43.595.157.008	45.872.947.848	43.595.157.008
Phải trả người lao động	4.178.794.884	7.173.299.400	4.178.794.884	7.173.299.400
Chi phí phải trả	14.947.634.155	30.121.386.309	14.947.634.155	30.121.386.309
Tổng Cộng	196.299.970.928	184.706.213.551	196.299.970.928	184.706.213.551

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý: Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.

Ngoại trừ các khoản nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc 31/12/2016 do Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày 31/12/2017.

* *Quản lý rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng:



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

Các khoản phải thu khách hàng đều là khoản phải thu khối lượng các công trình đã được chủ đầu tư nghiệm thu xác nhận và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này các khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng:

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

* Quản lý rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền

Ban giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty hiện tại không có do Công ty có nguồn tiền có thể đáp ứng được cho các khoản thanh toán.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.



	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Tại 31/12/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	50.416.038.113		50.416.038.113
Phải thu khách hàng và phải thu khác	161.440.785.315	15.502.157.738	176.942.943.053
Đầu tư ngắn hạn	-		-
Đầu tư dài hạn		-	-
Tài sản tài chính khác			-
Tổng cộng	211.856.823.428	15.502.157.738	227.358.981.166
Tại 01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.337.819.988		20.337.819.988
Phải thu khách hàng và phải thu khác	194.096.655.295	5.329.879.319	199.426.534.614
Đầu tư ngắn hạn	650.000.000	-	650.000.000
Đầu tư dài hạn		-	-
Tài sản tài chính khác			-
Tổng cộng	215.084.475.283	5.329.879.319	220.414.354.602

* Quản lý rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và các rủi ro về giá khác. Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần.

Rủi ro ngoại tệ:

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái.

Công ty không phát sinh giao dịch ngoại tệ nên Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính công ty.

Rủi ro lãi suất:

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu là liên quan đến các khoản vay. Công ty phát sinh khoản vay nên rủi ro lãi suất là không
Rủi ro về giá khác:

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá trị thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỉ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính công ty.

4- Số liệu so sánh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KD	Năm trước (Báo cáo tài chính được kiểm toán trước điều chỉnh)	Số liệu điều chỉnh	Năm trước (Sau điều chỉnh)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.304	(215)	1.089

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2017 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Đoàn Văn Nghị

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Kim Chinh



Lập, ngày 29 tháng 03 năm 2018

Tổng giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Trần Quốc Đoàn